

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **62/2020/DS-ST**.

Ngày: **10-8-2020**.

V/v tranh chấp “Hợp đồng dân sự vay tài sản và hợp đồng góp hội”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thanh Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Xương**;

2. Bà **Tăng Thị Bạch Vân**.

- Thư ký phiên tòa: bà **Trần Thị Cúc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và hợp đồng góp hội” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đồng Thị Kim E**, sinh ngày 01/01/1983.

Địa chỉ: Số nhà 1284/11, ấp P, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2.2. Bà **Nguyễn Thị C1**, sinh ngày 01/01/1967.

ĐKKHKT: ấp P, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 24/6/2020 của nguyên đơn bà **Đồng Thị Kim E** cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bà **E** trình bày:

Nguyên bà là hội viên, có tham gia hội do bà C1, ông C là chủ hội, cụ thể như sau:

Vào ngày 13/5/2017 giữa bà, ông C, bà C1 tính toán số tiền hội bà C1, ông C thiếu lại, cụ thể như sau:

- Dây hội 1.000.000 đồng, bà C1, ông C còn nợ lại 04 dây = 96.000.000 đồng.
- Dây hội 3.000.000 đồng, bà C1, ông C còn nợ lại 02 dây = 54.000.000 đồng.
- Dây hội 5.000.000 đồng, bà C1, ông C còn nợ lại 03 dây = 66.000.000 đồng.
- Dây hội 500.000 đồng, bà C1, ông C còn nợ lại 01 dây = 29.750.000 đồng và 01 dây = 26.500.000 đồng.

Ngoài ra bà C1 còn vay của bà 40.000.000 đồng.

Tổng tiền hội và tiền vay thì bà C1, ông C còn nợ lại bà 312.250.000 đồng. Bên cạnh đó bà còn thiếu tiền hội chết của bà C1, ông C 25.000.000 đồng đã khấu trừ vào số nợ trên. Sau đó bà C1 trả thêm bà được 37.000.000 đồng đến nay không trả nữa.

Vì vậy, bà Đồng Thị Kim E yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng buộc bà Nguyễn Thị C1 và ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm trả lại bà số tiền hội và tiền vay còn thiếu tổng cộng là 250.250.000 đồng (*hai trăm năm mươi triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tại phiên hòa giải ngày 22/7/2020 sau khi hai bên đối chiếu nợ và thống nhất số nợ là 245.250.000 đồng (gồm 210.250.000 đồng tiền hội và 35.000.000 đồng tiền vay). Bà Đồng Thị Kim E thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị C1 trả cho bà số tiền 245.250.000 đồng bà không yêu cầu lãi suất.

** Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị đơn ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị C1 trình bày:*

Theo bản tự khai ngày 22/7/2020 ông C, bà C1 nộp cho Tòa án nội dung: Ông, bà thừa nhận có nợ nguyên đơn số tiền là 245.250.000 đồng (gồm 210.250.000 đồng tiền hội và 35.000.000 đồng tiền vay) theo biên nhận nợ ngày 13/5/2017 đã ký giữa ông C, bà C1 với bà E là đúng sự thật, ông bà không phản đối về biên nhận này và không yêu cầu phản tố. Nay do hoàn cảnh khó khăn ông, bà xin trả chậm cho bà E mỗi vụ lúa là 3.000.000 đồng mỗi năm 03 vụ lúa là 9.000.000 đồng và ông bà, xin trả lại phần tiền hội theo số vốn bà E đã đóng là 133.500.000 đồng.

Nguyên đơn không đồng ý với ý kiến các bị đơn nên thỏa thuận không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÓA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:
 - + Ông Nguyễn Văn C cư trú tại ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.
 - + Bà Nguyễn Thị C1 ĐKKTT: ấp P, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Chỗ ở hiện nay: ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thống nhất việc chọn Tòa án nhân dân huyện Kế Sách giải quyết vụ án, không yêu cầu chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Long Phú nên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa nguyên đơn là bà Đồng Thị Kim E đã thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, bà chỉ yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị C1 trả cho bà số tiền là 245.250.000đồng (gồm 210.250.000đồng tiền hui và 35.000.000đồng tiền vay), bà không yêu cầu lãi suất. Việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi này.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên tòa nguyên đơn là bà Đồng Thị Kim E yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị C1 trả cho bà số tiền là 245.250.000đồng (gồm 210.250.000đồng tiền hui và 35.000.000đồng tiền vay), bà không yêu cầu lãi suất.

[2.2] Theo các bên đương sự trình bày và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ để xác định giữa nguyên đơn và các bị đơn có thực hiện hợp đồng góp hui và vay tài sản mặt dù không lập thành văn bản nhưng có biên nhận nợ, đã đối chiếu và thống nhất số nợ với nhau được các bên thừa nhận toàn bộ không ai phản đối nên Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết có thật, các bên không cần chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc các bị đơn xin trả chậm cho bà E mỗi vụ lúa là 3.000.000đồng mỗi năm 03 vụ lúa là 9.000.000đồng và các bị đơn xin trả lại phần tiền hui theo số vốn bà E đã đóng là 133.500.000đồng thì bà E không đồng ý.

[3] Từ những phân tích ở Mục [2] là có căn cứ để buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị C1 cùng liên đới trả cho bà E số tiền 245.250.000đồng (gồm 210.250.000đồng tiền hui và 35.000.000đồng tiền vay) là phù hợp với quy định tại các Điều 357, 463, 466, Điều 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 17, 19, 20 và Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường; Khoản 1, Điều 27 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường. Bà E không yêu cầu lãi suất nên Hội đồng xét xử không xE xét.

[4] Về án phí:

Các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Do ông Nguyễn Văn C là người có công với cách mạng nên ông được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bà Nguyễn Thị C1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm h khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 17, 19, 20 và Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường; Khoản 1, Điều 27 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đồng Thị Kim E.

Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị C1 cùng liên đới có nghĩa vụ trả cho bà Đồng Thị Kim E tổng số tiền là 245.250.000đồng (Hai trăm bốn mươi lăm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó 210.250.000đồng tiền hội và 35.000.000đồng tiền vay. Bà Đồng Thị Kim E không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xE xét.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày bà Đồng Thị Kim E có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền trên thì hàng tháng ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị C1 phải trả cho bà Đồng Thị Kim E theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn C được miễn án phí dân sự sơ thẩm.
- Buộc bà Nguyễn Thị C1 phải chịu 6.131.250 đồng (Sáu triệu một trăm ba mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.
- Bà Đồng Thị Kim E không chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Đồng Thị Kim E số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.256.000đồng (sáu triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004241 ngày 30/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- *TAND tỉnh Sóc Trăng;*
- *VKSND huyện Kế Sách;*
- *Chi cục THADS huyện Kế Sách;*
- *Đương sự;*
- *Lưu.*

TRẦN THANH BÌNH